

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HS - ST

Ngày: 25/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Niên

2. Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST – HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2020/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:

Họ tên: **A Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 22 tháng 12 năm 1984 tại Kon Tum

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Tu C, xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; đảng, đoàn thể: Đảng viên

Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; con ông: A D (Sinh năm 1960) và bà: Y N (Sinh năm 1964). Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; có vợ là Y T và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Bị cáo A Q bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo thứ hai:

Họ tên: **A P**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày ... tháng ... năm 1992 tại Kon Tum

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Tu C, xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; đảng, đoàn thể: không.

Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; con ông: A D (Sinh năm 1960) và bà: Y N (Sinh năm 1964). Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là Y C và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Bị cáo A P bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Bị cáo thứ ba:

Họ tên: **A L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày ... tháng ... năm 1994 tại Kon Tum

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Tu C, xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; đảng, đoàn thể: không.

Nghề nghiệp: Làm nông; đảng, đoàn thể: không; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; con ông: A D (Sinh năm 1960) và bà: Y N (Sinh năm 1964).

Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có vợ là Phạm Thị A và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Bị cáo A L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Bị cáo thứ tư:

Họ tên: **A B**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày ... tháng ... năm 1995 tại Kon Tum

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Tu C, xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; đảng, đoàn thể: Đảng viên;

Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mơ Nâm; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; con ông: A D (Sinh năm 1960) và bà: Y N (Sinh năm 1964);

Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có vợ là Y Rỏa và có 01 con sinh năm 2020.

Bị cáo A B bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Nguyên đơn dân sự:

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thế V – Chủ tịch UBND xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ – Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. (có mặt tại phiên tòa).

- Người phiên dịch:

+ Ông A S - Phó Trưởng phòng VH TT huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 9/2019 (không nhớ ngày), A Q một mình đi đến khu vực chăn thả trâu của gia đình tại Khoảnh 4 Tiểu khu 493 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã H quản lý, là khu vực rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ, A Q nhìn thấy khu vực rừng bên cạnh đã bị người khác cắt hạ, phá rừng để làm nương rẫy, vì lo lắng người khác sẽ phát lẩn chiếm khu vực chăn thả trâu ở làng cũ, rẫy cũ của ông bà, cha mẹ mình làm trước đây nên A Q nảy sinh ý định phát rừng để chiếm, giữ lại đất làm nương rẫy, tạo khoảng trống cỏ mọc để nuôi trâu. A Q đi về nhà tại thôn Tu C, xã H thì gặp các em ruột của mình là A P, A L và A B. Tại đây, A Q kể lại sự việc vừa thấy cho A P, A L và A B nghe rồi rủ A P, A L, A B đi phát rừng chiếm, giữ đất để lấy chỗ nuôi trâu. A P, A L, A B nghe vậy đều đồng ý. Sau đó, A Q, A P, A L và A B mang theo 01 cưa xăng, 03 con dao rựa đi đến khu vực rừng tự nhiên tại Khoảnh 4 Tiểu khu 493 và bắt đầu thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật. Trong vòng 03 ngày, A Q và A B mỗi người cầm một con dao rựa phát những cây dây gai, bụi rậm và những cây gỗ nhỏ, A P và A L thay nhau cầm cưa cắt hạ những cây gỗ lớn còn lại tạo thành một khoảng đất trống, chỉ để lại một vài cây gỗ để làm bóng mát. Đến ngày 27/9/2019, tổ tuần tra truy quét liên ngành thuộc xã Hiếu, huyện Kon Plông phát hiện 01 vụ phá rừng trái pháp luật tại Khoảnh 4, Khoảnh 6 Tiểu khu 493 và báo cáo Cơ quan Hạt kiểm lâm, Cơ quan Công an huyện giải quyết theo thẩm quyền. Qua quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định các đối tượng A Q, A P, A L và A B đã thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật tại khu vực nêu trên. Sau khi được mời lên làm việc, A Q, A P, A L và A B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 02/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện cùng đại diện chính quyền xã H, Lâm

trường Măng La tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án và mở rộng hiện trường sang Khoảnh 3 Tiểu khu 495 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý thuộc xã H – Kon Plông – Kon Tum. Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 22/11/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận tổng diện tích rừng bị hủy hoại là: 31.231,1 m² (mét vuông). Trong đó, diện tích rừng phòng hộ bị phá là 29.830,8 m², diện tích rừng sản xuất bị phá là 1.400,3m². Cơ quan CSĐT Công an huyện KonPlông đã khởi tố vụ án số 21 ngày 23/10/2019.

Tại hiện trường vụ án, A Q, A P, A L, A B đã xác định vị trí, ranh giới diện tích rừng mà các bị cáo chặt phá trái pháp luật.

Kết luận giám định của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum xác định diện tích rừng do A Q, A P, A L, A B chặt phá trái pháp luật có diện tích là 6.362,8m² rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ; sản lượng gỗ trên diện tích 6.362,8 m² do A Q, A P, A L và A B phá trái phép là 21,794 m³ (mét khối) gỗ (từ nhóm III đến nhóm VIII); đối với thiệt hại về môi trường rừng không xác định được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận 21,794 m³ gỗ nêu trên (từ nhóm III đến nhóm VIII) có giá trị là 64.930.600 đồng.

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã thu giữ được:

- + 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu FUJIKAWA 6200 đã qua sử dụng, màu đỏ đen, lưỡi bằng kim loại dài 53cm có dây xích;

- + 01 con dao rựa đã qua sử dụng, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, bản rộng 3,5cm, mũi quắp, cán bằng gỗ có hình trụ tròn dài 22cm;

- + 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 48cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng 3,5cm, cán gỗ hình trụ;

- + 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 58cm, lưỡi bằng kim loại dài 31cm, bản rộng 3,5cm, cán bằng gỗ hình trụ;

Các vật chứng này hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Đối với vật chứng của vụ án là 21,794m³ gỗ tại hiện trường, là gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII, chủ yếu là gỗ nhóm VIII, việc mở đường 05km để thu gom gỗ là vật chứng tại rừng rất khó khăn, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của khu vực. Bên cạnh đó, giá trị gỗ thấp, giá thành thu gom vận chuyển cao, chênh lệch lớn; nếu thực hiện sẽ gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước. Do đó, Liên ngành Viện kiểm sát, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Hạt kiểm lâm huyện đã thống nhất không tiến hành

thu gom, để gỗ tự phân hủy tại hiện trường. Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông đề nghị UBND huyện Kon Plông thành lập Hội đồng tiêu hủy.

Sau khi xác định được diện tích, thiệt hại mà các bị cáo A Q, A P, A L và A B chặt phá Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 23/6/2020.

Tại Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 10/7/2020 đã truy tố các bị cáo A Q, A P, A L, A B ra trước Tòa án nhân dân huyện KonPlông để xét xử sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông phát biểu luận tội: đã phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của các bị cáo, đại diện của nguyên đơn dân sự; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Qua đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A Q, A P, A L, A B phạm tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo A Q mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự tuyên phạt các bị cáo A P, A L, A B mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Giao các bị cáo A P, A L, A B cho UBND xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 64.930.600 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Nhưng các bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền trên (theo biên lai thu tiền số AA/2010/0003816 và số AA/2010/0003817 của Chi cục THADS huyện Kon Plông,

tỉnh Kon Tum). Do đó số tiền này được tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu FUJIKAWA 6200 đã qua sử dụng, màu đỏ đen, lưỡi bằng kim loại dài 53cm có dây xích;

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, bản rộng 3,5cm, mũi quắp, cán bằng gỗ có hình trụ tròn dài 22cm;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 48cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng 3,5cm, cán gỗ hình trụ;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 58cm, lưỡi bằng kim loại dài 31cm, bản rộng 3,5cm, cán bằng gỗ hình trụ;

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã công bố. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị dùng nhục hình.

Phần tranh luận, các bị cáo A Q, A P, A L không có ý kiến gì. Riêng bị cáo A B có ý kiến các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường để khắc phục hậu quả rồi mà Viện kiểm sát đề nghị với Hội đồng xét xử mức án hơi nặng. Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện nguyên đơn dân sự trình bày: Đề nghị các bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản theo kết luận định giá với số tiền 64.930.600đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng đã giải thích, thông báo cho các bị cáo về quyền được nhờ người bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, nhưng các bị cáo không yêu cầu.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ căn cứ khẳng định:

Vào đầu tháng 9 năm 2019, vì lo sợ việc người khác phát rẫy lần chiếm khu vực thả trâu ở rẫy cũ, làng cũ của ông bà, cha mẹ mình trước đây tại Khoảnh 4 Tiểu khu 493 thuộc lâm phần do UBND xã H quản lý nên A Q đã nảy sinh ý định và rủ rê các em ruột của mình là A P, A L, A B cùng đi phát rừng để chiếm giữ đất. A P, A L, A B đều đồng ý cùng A Q. Trong 03 ngày, A Q, A B dùng dao rựa để phát cây bụi, dây gai, A P và A L dùng cưa xăng để cắt hạ các cây gỗ, diện tích các bị cáo chặt phá là 6.362,8m² rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ, gây thiệt hại 21,794m³ gỗ (từ nhóm III đến nhóm VIII) trị giá 64.930.600đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo A Q A P, A L, A B đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất và mức độ thì hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rằng việc chặt phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì nhu cầu cần đất sản xuất, cần chỗ chăn nuôi; lo sợ người khác lần chiếm đất tại rẫy cũ của ông bà, cha mẹ mình canh tác trước đây nên đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục, đề răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

- *Về đặc điểm nhân thân:* Các bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự;
- *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;
- *Về tình tiết giảm nhẹ:* giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 64.930.600 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Về tính chất của mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm:* Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. A Q là người nảy sinh ý định và rủ rê các em mình là A P, A L, A B đi phá rừng. A Q dùng dao rựa phát, chặt những cây gỗ nhỏ, dây gai, bụi rậm tạo điều kiện cho A P, A L dùng cưa cắt hạ cây rừng. Do đó, A Q phải chịu trách nhiệm với vai trò vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành trong vụ án này nên cần xử phạt nghiêm minh để phòng ngừa chung.

Đối với A P, A L đều tiếp nhận ý chí theo sự rủ rê của A Q. A P, A L có hành vi dùng cưa máy cắt rừng trái pháp luật. Do đó, A P, A L, đều có vai trò là người thực hành trong vụ án.

Đối với A B tiếp nhận ý chí theo sự rủ rê của A Q. A B giúp A Q đi phát dây gai, bụi rậm, tạo điều kiện thuận lợi cho A P, A L cắt hạ cây rừng nên đóng vai trò là người giúp sức.

Các bị cáo A P, A L, A B có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hơn nữa vì nghe theo sự rủ rê của anh cả (bị cáo A Q); việc phá rừng là do nhu cầu cần đất sản xuất, cần chỗ chăn nuôi; lo sợ người khác lấn chiếm đất tại rẫy cũ của ông bà, cha mẹ mình canh tác trước đây. Vì vậy, không cần cách ly khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo A P, A L, A B được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục để các bị cáo vừa tự cải tạo bản thân, vừa có điều kiện lao động, chăm lo cuộc sống gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản theo kết luận định giá với số tiền 64.930.600 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Xét thấy thiệt hại nêu trên là do các bị cáo gây ra, lỗi thuộc về các bị cáo nên yêu cầu của nguyên đơn dân sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự (UBND xã H) số tiền 64.930.600 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã nộp đủ số tiền 64.930.600 đồng (Nộp 50.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0003816 và nộp 14.930.600 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0003817 của Chi cục THADS huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).

[7]. Về vật chứng của vụ án:

+ 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu FUJIKAWA 6200 đã qua sử dụng, màu đỏ đen, lưỡi bằng kim loại dài 53cm có dây xích;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, bản rộng 3,5cm, mũi quắp, cán bằng gỗ có hình trụ tròn dài 22cm;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 48cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng 3,5cm, cán gỗ hình trụ;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 58cm, lưỡi bằng kim loại dài 31cm, bản rộng 3,5cm, cán bằng gỗ hình trụ;

Đây là những công cụ mà các bị cáo dùng để cắt, chặt phá cây rừng. Hiện tại, máy cưa xăng có giá trị nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; đối với 03 con dao rựa nêu trên đã bị gỉ sét, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Đối với UBND xã H là đơn vị được giao quản lý rừng đã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức nhiều đợt tuần tra, truy quét bảo vệ rừng trên địa bàn. Đối với ông Đặng T – Kiểm lâm địa bàn xã H, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã tham mưu cho UBND xã về công tác quản lý bảo vệ rừng, trực tiếp phối hợp với các ban ngành của xã đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi phá rừng trái phép. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 360 Bộ luật hình sự.

[9]. Đối với diện tích 16.687,5m² rừng tự nhiên chức năng phòng hộ tại Tiểu khu 493 lâm phần do UBND xã H quản lý và 1.400,3m² rừng tự nhiên chức năng sản xuất tại Khoảnh 3 Tiểu khu 495 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp KonPlông quản lý, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông chưa xác định được bị can nên đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nguồn thu nhập không ổn định, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo A Q, A P, A L, A B phạm tội “*Hủy hoại rừng*”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A Q 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A P 14 (*mười bốn*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (*hai mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (25/8/2020).

Xử phạt bị cáo A L 14 (*mười bốn*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (*hai mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (25/8/2020).

Xử phạt bị cáo A B 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (*hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án (25/8/2020).

Giao các bị cáo A P, A L, A B cho UBND xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo A Q, A P, A L, A B phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự (UBND xã H, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) số tiền 64.930.600 đồng (*Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) mà các bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/0003816 ngày 18/8/2020 và số tiền 14.930.600 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng*) các bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/0003817 ngày 25/8/2020 của Chi cục THADS huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:*

01 máy cưa xăng, nhãn hiệu FUJIKAWA 6200 đã qua sử dụng, màu đỏ đen, lưỡi bằng kim loại dài 53cm có dây xích;

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, bản rộng 3,5cm, mũi quắp, cán bằng gỗ có hình trụ tròn dài 22cm;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 48cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng 3,5cm, cán gỗ hình trụ;

+ 01 con dao rựa đã qua sử dụng, dài 58cm, lưỡi bằng kim loại dài 31cm, bản rộng 3,5cm, cán bằng gỗ hình trụ;

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông và Chi cục THADS huyện Kon Plông).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo A Q, A P, A L, A B.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Plông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Xong